TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HS-ST
Ngày: 09-5-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

2. Ông Dương Đình Luật.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Hạnh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2018/TLST-HS ngày 20/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/HSST-QĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, đối với bị cáo:

Lê Thị Thúy H, sinh năm 1972 tại tỉnh BT; nơi cư trú: Tổ xx, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt nam; con ông Lê Hữu D (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); chồng là Lê An L (đã ly hôn); bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2004; bị cáo là con thứ 06 trong gia đình có 09 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại tại nơi cư trú. "Bị cáo có mặt".

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thúy H: Ông Lê Minh P - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh D. "Có mặt"

Bị hại: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; cư trú tại Tổ xx, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Có mặt"

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lâm Ngọc B, sinh năm 1960; cư trú tại Tổ LL, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Có mặt"

2. Ông Tạ Minh D; cư trú tại Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2017, ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; trú tại ấp A, xã B, huyện C dự định sang Đài Loan để làm ăn, nên tìm người có uy tín để gửi nhà và chăm sóc vườn cho mình. Lê Thị Thúy H là người cùng xã, có quen biết ông T và biết ông T sắp đi Đài Loan làm ăn nên H đã nhiều lần tới mượn nhà và vườn của ông T để ở và chăm sóc vườn nhằm thu hoạch hoa lợi, nhưng ông T không cho mượn vì H là người không có uy tín, không có tài sản, còn phải ở nhà thuê nên ông T không tin tưởng giao nhà và vườn cho H. Ông T đề nghị phải có người có uy tín, có tài sản thì ông T mới cho mượn vườn. Vì vậy, H đã nhờ ông Lâm Ngọc B, sinh năm 1960; trú tại ấp A, xã B, huyện C đến mượn vườn của ông T và được ông T đồng ý cho ông B mượn vườn để H chăm sóc và thu hoa lợi từ vườn của ông T.

Ngày 30/4/2017, ông T và ông B lập giấy viết tay về việc ông T cho ông B mượn nhà, có nội dung: Ông T cho ông B mượn nhà và canh tác, thu hoạch hoa màu trong thời hạn 01 năm. Nếu như ông T chưa về thì ông B tiếp tục canh tác và tiếp tục thu hoạch. Ông B có trách nhiệm chăm sóc cây trong vườn không để chết hoặc khô héo. Ông T không lấy tiền của ông B vì nhà cho mượn, không phải thuê.

Ngoài nội dung thỏa thuận tại giấy cho mượn nhà nêu trên thì giữa ông T, ông B và Lê Thị Thúy H cùng thống nhất thảo thuận, H là người chăm sóc vườn của ông T để thu hoa lợi và được ông T đồng ý.

Sau khi mượn được vườn của ông T và được ông T cho phép đến chăm sóc vườn thì H đã đến chăm sóc cây và trồng những cây nông nghiệp ngắn ngày như bắp, đậu trên đất trong vườn của ông T từ trước khi ông T đi Đài Loan khoảng 03 tháng.

Ngày 19/7/2017, ông T đi Đài Loan.

Ngày 05/8/2017, Lê Thị Thúy H gọi ông Tạ Minh D; trú tại Ấp 8, xã Hòa Bình, huyện C đến vườn của ông T cắt và bán cho ông D 190 cây Gòn 04 năm tuổi, cao trung bình 4,5m, đường kính trung bình 10cm, với giá 35.000 đồng/cây, được số tiền 6.650.000 đồng.

Sau khi được hàng xóm báo tin H chiếm đoạt cây gòn của mình để bán thì ông T đã trở về nhà tại xã Hòa Hiệp, huyện C và tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của H tại Cơ quan Công an.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Thị Thúy H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐG ngày 16/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, xác định tại thời điểm xảy ra vụ án trị giá thiệt hại tài sản là 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Về vật chứng: Ông Tạ Minh D đã đưa số cây gòn mua của H lên tỉnh Đắk Nông bán cho một người không rõ lai lịch, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Thị Thúy H đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000 đồng, ông T không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 15/QĐ-KSĐT ngày 08/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố Lê Thị Thúy H tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thúy H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy H từ 06 đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu, đề nghị không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Không thu giữ được, đề nghị không xem xét.

Đối với ông Tạ Minh D, khi H gọi tới mua cây gòn tại vườn của ông T thì ông D không biết đây là tài sản H chiếm đoạt của ông T để bán, nên không xử lý trách nhiệm hình sự.

Ông Lê Minh Ph - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh D là người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thúy H phát biểu tranh luận: Ông Ph đồng ý với tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ như luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện cận nghèo; bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khu hình phạt là cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa và không bổ sung thêm gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khu hình phạt là cải tạo không giam giữ để bị cáo có điều kiện đi làm kiếm tiền nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị Thúy H phù hợp với các tình tiết vụ việc và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định bị cáo Lê Thị Thúy H là người cùng xã và có quen biết ông Nguyễn Văn T trú tại ấp A, xã B, huyện C, do biết ông T sắp sang Đài Loan làm ăn nên đã cùng ông Lâm Ngọc B đến mượn vườn của ông T để H chăm sóc thu hoa lợi và được ông T đồng ý cho phép H được chăm sóc cây và trồng các cây nông nghiệp ngắn ngày trong vườn của ông T. Bị cáo H đã tới chăm sóc vườn của ông T từ trước khi ông T đi Đài Loan được khoảng 03 tháng và sau khi ông T sang Đài Loan vào ngày 19/7/2017 thì bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông T bán lấy tiền tiêu xài, do đó ngày 05/8/2017 bị cáo đã gọi ông Tạ Minh D; trú tại Ấp A, xã H, huyện C là người chuyên mua cây, đến vườn của ông T cắt và bán cho ông D 190 cây gòn 04 năm tuổi, cao trung bình 4,5m, đường kính trung bình 10cm, với giá 35.000 đồng/cây, chiếm đoạt số tiền 6.650.000 đồng. Việc bị cáo chiếm đoạt, bán 190 cây gòn trong vườn của ông T thì ông B và ông T không biết. Qua định giá thì thiệt hại về tài sản là 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Theo quy định tại Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định *"1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:*

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản."

Vì vậy, Hành vi của bị cáo Lê Thị Thúy H đã cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, phù hợp với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại. Ngoài ra bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện nghèo; một mình nuôi con nhỏ và chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm

1999 và xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ về hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, vụ lợi nên bị cáo đã lợi dụng việc chủ sở hữu tài sản cho mượn vườn để canh tác, chăm sóc cây trồng trong vườn để thu hoa lợi, nhưng khi chủ sở hữu tài sản vắng nhà thì bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại bán lấy tiền tiêu xài vào mục đích cá nhân. Vì vậy cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo, chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình, chính quyền địa phương để trở thành người tốt. Vì vậy, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, nên cho bị cáo được hưởng án treo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo thuộc diện nghèo và không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Không thu giữ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không xem xét phần trách nhiệm dân sự trong vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7]. Đối với ông Tạ Minh D, khi tới mua cây gòn tại vườn ông T thì ông D không biết đây là tài sản H chiếm đoạt của người khác để bán, nên không xem xét về trách nhiệm hình sự đối với ông D là có căn cứ.

[8]. Về án phí: Bị cáo Lê Thị Thúy H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thúy H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Lê Thị Thúy H 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/5/2018.

Giao bị cáo Lê Thị Thúy H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Không thu giữ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Thị Thúy H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; bị hại; Người có QLNVLQ;
- UBND xã Hòa Hiệp, huyện C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Duy